TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A- ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32 /2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 -2025
"V/v Ly hôn giữa bà T và ông D"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A- ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phan Ngọc T**, sinh ngày 01/3/1981.
Địa chỉ: số 364, tổ 10, ấp 4, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Nay là: số 364, tổ 10, ấp 8, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh D**, sinh ngày 12/02/1981.
Địa chỉ: tổ 10, ấp 4, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Nay là: tổ 10, ấp 8, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Phan Ngọc T trình bày: Bà và ông D tổ chức đám cưới vào đầu năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 15/9/2005. Từ năm 2020 đến nay vợ

chồng không hợp về lối sống, có nhiều xung đột, thường xuyên cãi nhau, ông D không có trách nhiệm với gia đình, không chí thú làm ăn. Nghiêm trọng hơn ông thường xuyên dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm bà, mọi thu nhập ông tiêu xài cho cá nhân. Bà và ông D đã ly thân từ tháng 4/2022. Do mâu thuẩn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không hoà giải hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 24/11/2005 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 16/3/2016. Hiện cháu T1 đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết; bà yêu cầu nuôi cháu T2, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải và tại phiên toà bà T trình bày: Bà xác định nguyên nhân mâu thuẩn vợ chồng là do ông D không lo làm ăn, không phụ vợ chăm sóc con, phụ việc gia đình, nếu bà nhắc nhở thì ông D chửi, bà xác định không còn tình cảm với ông D nên kiên quyết ly hôn.

- Bị đơn ông Nguyễn Anh D tại tờ tự khai trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà T, nếu Toà án cho ly hôn thì ông yêu cầu nuôi cháu D Tường, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung tự thoả thuận, nợ chung không có.

Tại biên bản hoà giải và tại phiên toà ông D trình bày: Từ ngày bà T nộp đơn ly hôn ông có sửa đổi không còn ra quán cà phê, muốn phụ nhưng bà T không cho nên phải quan nhà cha mẹ phụ. Ông còn thương bà T nên không đồng ý ly hôn, ông đề nghị cho vợ chồng ly thân để lo cho con. Nếu Toà án cho ly hôn thì ông yêu cầu nuôi cháu Tường, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông D, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Khu vực A- Đồng Tháp theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà T và ông D tiến đến hôn nhân năm 2005 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông D thiếu trách nhiệm với gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T xác định không còn tình cảm với ông D nên kiên quyết ly hôn. Đối với ông D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hiệu quả hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho bà T được ly hôn với ông D là phù hợp theo qui định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 24/11/2005 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 16/3/2016. Hiện cháu T1 đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết; bà yêu cầu nuôi cháu T2. Ông D cũng yêu cầu được nuôi cháu T2 nếu Toà án cho bà T và ông ly hôn. Đối với cháu T2 thì có nguyện vọng sống với bà T nếu ông bà ly hôn. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà T là người trực tiếp chăm sóc cháu T2, bản thân cháu cũng muốn sống với mẹ nên để tránh xáo trộn tâm lý con chung, phù hợp nguyện vọng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T2 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T chịu án phí ly hôn theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Phan Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Phan Ngọc T ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Anh T2, sinh ngày 16/3/2016 cho bà Nguyễn Phan Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung: Không tranh chấp

4. Nợ chung: Không có

5. Về án phí: Bà Nguyễn Phan Ngọc T phải 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001700 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C(Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) xem như xong.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực cùng cấp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- **UBND xã H;**
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH